

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH A
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 26 - 4 - 2023

V/v: ly hôn, nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH A, TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tâm

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Võ Văn Cho

2/ Bà Nguyễn Hoa Lài

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Huỳnh Hoàng Tuấn – Là Thư ký của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành A tham gia phiên tòa:* Ông Lê Thanh Tường – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 23/2023/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 02 năm 2023 về tranh chấp xin ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2023/QĐXXST- HNGĐ ngày 27 tháng 3 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa 27/2023/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị H, sinh năm: 1979

Địa chỉ cư trú: ấp A, thị trấn B, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Ông Bùi Thanh T, sinh năm: 1979

Địa chỉ cư trú: ấp A, thị trấn B, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện về việc xin ly hôn và quá trình tố tụng nguyên đơn bà Lê Thị H trình bày: Bà với ông T quen biết, sau một thời gian tìm hiểu rồi tiến đến hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện Giồng Giềng, tỉnh Kiên Giang vào ngày 01/12/2007, chung sống hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn và bà đã nộp đơn xin ly hôn vào năm 2021, lúc đó ông T ra Tòa án hứa sửa đổi nhưng không thực hiện được và nguyên nhân xin ly hôn lần này là do ông T không tôn trọng bà, ham cờ bạc gây nợ nần dẫn đến cuộc sống lâm vào tình trạng không thể hàn gắn, không có hạnh phúc nên bà đã suy nghĩ kỹ và quyết định xin ly hôn với ông Bùi Thanh T.

Về con chung: Có 02 con chung tên Bùi Thanh Q (nam), sinh ngày 11/12/1999 và Bùi Gia N (nam), sinh ngày 29/12/2007. Đối với Bùi Thanh Q đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết, đối với Bùi Gia N thì để con tự quyết định sống với cha hay với mẹ, nếu sống cùng bà thì bà nuôi không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con, nếu sống cùng ông T thì bà để ông T nuôi bà không cấp dưỡng nuôi con.

Về T sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Quá trình tố tụng bị đơn ông Bùi Thanh T có ý kiến trình bày: Thống nhất với lời trình bày của bà Lê Thị H về quan hệ hôn nhân, con chung, T sản chung, nợ chung, ông nhìn nhận những mâu thuẫn là do lỗi của ông nhưng ông còn thương vợ thương con nên không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Đối với Bùi Thanh Q đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; đối với Bùi Gia N cũng đã lớn nên để con tự quyết định sống với cha hay với mẹ, nếu sống cùng ông thì ông nuôi không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con, nếu sống cùng bà H thì ông để bà Hương nuôi dưỡng, ông không cấp dưỡng nuôi con.

Về T sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là tuân thủ đúng trình tự, thủ tục tố tụng khi giải quyết vụ án; nguyên đơn chấp hành tốt pháp luật, thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của đương sự, bị đơn chưa chấp hành tốt triệu tập của Tòa án. Về việc giải quyết vụ án: Qua nghiên cứu hồ sơ nhận thấy giữa bà H và ông T có đăng ký kết hôn, các bên mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng không thể hàn gắn nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu cho bà H được ly hôn với ông T. Về con chung: Đối với Bùi Thanh Q đã trưởng thành không yêu cầu giải quyết nên đề nghị không xem xét, đối với Bùi Gia N có nguyện vọng sống với cha và ông T cũng đồng ý nuôi dưỡng và không yêu cầu bà H cấp dưỡng nên đề nghị giao cháu Bùi Gia N cho ông Bùi Thanh T trực tiếp nuôi dưỡng; về T sản chung: Tự thỏa thuận nên không xem xét giải quyết; nợ chung: Không có, nên không giải quyết. Đề nghị buộc bà H phải chịu án phí hôn nhân gia đình theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các T liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Bà Lê Thị H yêu cầu giải quyết ly hôn, nuôi con, bị đơn ông Bùi Thanh T cư trú tại huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang nên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự xác định quan hệ tranh chấp là ly hôn, nuôi con, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A.

[3] Xét về thủ tục tố tụng: Ông T đã được triệu tập xét xử lộn lộn đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do nên căn cứ vào Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

[4] Xét về quan hệ hôn nhân: Giữa bà Lê Thị H ông Bùi Thanh T được xây dựng trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên hôn nhân là hợp pháp. Quá trình tố tụng bà Lê Thị H Tòa án đã tích cực hòa giải cho đoàn tụ nhưng nguyên đơn bà Lê Thị H kiên quyết xin ly hôn, đề nghị xét xử vắng mặt, điều đó chứng tỏ tình cảm bà H dành cho ông T không còn, mâu thuẫn đã lâm vào tình trạng trầm trọng nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện, cho bà H được ly hôn với ông T.

[5] Xét về con chung: Đối với Bùi Thanh Q (nam), sinh ngày 11/12/1999 đã trưởng thành, các đương sự không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết. Đối với Bùi Gia N cháu có nguyện vọng sống cùng với ông T, ông T đồng ý nuôi dưỡng và không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con, bà H cũng thống nhất không có tranh chấp quyền nuôi con nên giao cháu Bùi Gia N cho ông Bùi Thanh T trực tiếp nuôi dưỡng. Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho bà Lê Thị H không ai được quyền cản trở.

[6] Xét về T sản chung: Tự thỏa thuận nên không xem xét, giải quyết.

[7] Về nợ chung: Không có.

[8] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm bà Lê Thị H phải chịu theo quy định của pháp luật.

[9] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp, có cơ sở nên chấp nhận.

Vì các lý do trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 39 của Bộ luật dân sự. Điều 51, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH, ngày 30/12/2016 của Ủy ban tH vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn Lê Thị H đối với bị đơn Bùi Thanh T, cho bà Lê Thị H được ly hôn với ông Bùi Thanh T.

2. Về con chung: Giao cho ông Bùi Thanh T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng Bùi Gia N (nam), sinh ngày 27/12/2007, ông T không yêu cầu nên bà H không phải cấp dưỡng nuôi con. Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho bà Lê Thị H không ai được quyền cản trở.

3. Về T sản chung: Tự thỏa thuận nên không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có, không giải quyết.

5. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Lê Thị H phải chịu là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Chuyển 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí bà H đã nộp tạm ứng án phí lệ phí Tòa án theo biên lai thu số 0012364

ngày 15/02/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang thành án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm (bà H đã nộp xong).

6. Về quyền kháng cáo: nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hậu Giang;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện CTA;
- VKSND huyện CTA;
- UBND xã X;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Minh Tâm